

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HS-ST  
Ngày 14-5-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tỉnh

*Thẩm phán:* Ông Tôn Văn Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Văn Chiến

Bà Lê Thị Luyến

Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Phi Long – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

**N.T.T** (M), sinh năm 1983 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xx/x ấp VB, xã ĐĐ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông N.V.T (chết) và bà M.T.B, sinh năm 1936; vợ L.T.T.T, sinh năm 1984 (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/10/2020, chuyển tạm giam từ ngày 11/10/2020 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà P.T.H.H - Luật sư Văn phòng luật sư HH & Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre, có mặt.

- *Bị hại:* Ông N.T.T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp VB, xã ĐĐ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà T.T.H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp VB, xã ĐĐ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông N.T.H, sinh năm 1955. Nơi cư trú: ấp VB, xã ĐĐ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, có mặt.

- *Người làm chứng*: Bà L.T.T.T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp PLP, xã PK, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng anh N.T.T và chị T.T.H cùng cư trú tại ấp VB, xã ĐĐ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tuy đã ly hôn nhưng vẫn chung sống chung một nhà và là láng giềng với vợ chồng N.T.T và chị L.T.T.T. Chị T.T.H và N.T.T có ngoại tình với nhau. Chị L.T.T.T nghi ngờ nên mâu thuẫn với T.T.H và tuy ở chung nhà nhưng vợ chồng N.T.T đã ly thân chờ Tòa án xét xử ly hôn. Vì bệnh vực chị T.T.H nên khoảng 16 giờ ngày 29/9/2020, trong lúc đang cắt cỏ ở vườn sau nhà, N.T.T nghe anh N.T.T cự cãi với chị L.T.T.T về việc vợ N.T.T ngoại tình với N.T.T làm N.T.T tức giận và nảy sinh ý định trả thù anh N.T.T. Ngày 01/10/2020, N.T.T và chị L.T.T.T đến Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú ký vào biên bản thuận tình ly hôn, sau đó chị L.T.T.T cùng các con dọn đồ trở về nhà cha mẹ ruột chị L.T.T.T sinh sống. Khoảng 01 giờ 30 ngày 02/10/2020, N.T.T ở nhà một mình thức dậy suy nghĩ và quyết định dùng xăng đốt anh N.T.T để trả thù. N.T.T đi ra sân nước lấy cái tô nhựa có đường kính mặt tô 17cm, cao 6cm rồi đi đến chiếc xe gắn máy biển số 71 FL-xxxx của N.T.T dựng ở lối đi nhà sau rút ống xăng vào tô được khoảng 1/3 tô nhựa thì N.T.T gắn ống xăng lại. N.T.T ra phía sau nhà bẻ một đoạn gỗ khô, sau đó đi đến nhà củi xé một mảnh vải màu vàng rồi cầm đoạn gỗ và mảnh vải đi vào trong nhà. N.T.T ngồi quần mảnh vải vào một đầu đoạn gỗ rồi lấy dây đồng quần chặt lại để giữ cố định mảnh vải với đoạn gỗ làm cây rọi để mỗi lửa. Sau khi đã chuẩn bị xong các dụng cụ, N.T.T cầm tô đựng xăng, đoạn gỗ có quần vải đi ra nhà bếp lấy một cái bật lửa và đi về hướng nhà của anh N.T.T. Lúc này nhà anh N.T.T đã tắt đèn, N.T.T biết anh N.T.T thường nằm ngủ ở văng cạnh cửa sổ phòng khách, nên đi đến cửa sổ để tô đựng xăng trên nắp lu đựng nước, N.T.T nhúng đầu vải trên đoạn gỗ vào tô đựng xăng rồi dùng tay phải kéo cửa sổ lùa qua một bên. Nghe tiếng động, anh N.T.T liền hỏi “Ai, ai..!”, liền đó N.T.T cầm tô đựng xăng tạt vào hướng anh N.T.T và bật lửa đốt đầu đoạn gỗ quần vải đã tẩm xăng ném vào người anh N.T.T. Nhìn thấy cơ thể anh N.T.T bốc cháy, N.T.T bỏ chạy và ném bỏ cái tô đựng xăng ở nương nước cạnh nhà anh N.T.T. Bị phóng hỏa đốt cháy, anh N.T.T kêu cứu thì chị T.T.H thức dậy từ phòng ngủ chạy ra nhìn thấy người anh N.T.T bốc cháy liền dùng khăn và nước dập lửa trên người anh N.T.T đồng thời tri hô mọi người đưa anh

N.T.T đi bệnh viện cấp cứu. Trên đường tẩu thoát N.T.T nghe tiếng anh N.T.T kêu cứu nhưng vẫn tiếp tục bỏ chạy về nhà và để bật lửa vào vị trí cũ rồi đi ngủ đến sáng.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường: 01 võng bằng vải bị cháy; 01 chiếc mền; 02 chiếc khăn; 01 đoạn gỗ có quần vải màu vàng; 02 tô nhựa; nước và 02 dấu vết đường vân trên mặt kính.

- Thu giữ trong quá trình khám xét nhà N.T.T: 01 tấm vải màu vàng kích thước (1,85 x 1,47m); 01 nhánh cây lý; 01 sợi dây kim loại màu vàng (dạng dây đồng); 01 cây kiểm bằng kim loại, có chữ DENHAPPINESS; 01 bật lửa màu trắng, trên thân có hình quả táo; 01 bật lửa màu đỏ và 01 bật lửa màu trắng, trên thân có hình đầu thú.

- N.T.T giao nộp: 01 xe gắn máy màu đen, biển số kiểm soát 71FL-xxxx; 01 cây kiểm bằng kim loại, có chữ MEANFAST; 01 đôi dép nhựa màu đen, trên quai dép có chữ ASIA và 01 quần đùi nam màu xanh, hai bên có sọc màu xanh nhạt, quần có dây rút.

Bản kết luận giám định số 5226/C09B ngày 04/11/2020, của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu trên mảnh vải, tô nhựa, chiếc võng gửi giám định có tìm thấy thành phần xăng.

Bản kết luận giám định số 5227/C09B ngày 04/11/2020, của Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vết trên đoạn gỗ, mảnh vải, sợi dây kim loại nêu tại Mục II.1 (Mẫu cần giám định) có đặc điểm chung (chất liệu, màu sắc, kích thước...) giống với dấu vết trên nhánh cây, tấm vải, sợi dây kim loại nêu tại Mục II.2 (Mẫu so sánh). Dấu vết có đặc điểm riêng không đủ cơ sở để giám định truy nguyên vật cụ thể.

Bản kết luận giám định về dấu vết đường vân số 31/2020/GĐĐV ngày 06/10/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Dấu vết đường vân thu tại hiện trường không đủ yếu tố giám định.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 308-1220/TgT ngày 09/12/2020, của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre, kết luận N.T.T bị:

- Bỏng độ I, II vùng mặt, cổ, ngực, bụng, lưng, hai cánh tay khoảng 38%.
- Vết bỏng nổi bóng nước vùng mặt kích thước 10cm x 05cm, cổ kích thước 07cm x 06cm, ngực kích thước 10cm x 10cm, bụng kích thước 15cm x 10cm.
- Vết bỏng tróc da vùng vai trái kích thước 07cm x 05cm, cánh tay trái kích thước 07cm x 06cm.

Vết bỏng nổi ít bong nước vùng lưng, thắt lưng, cẳng - bàn tay trái, cánh - cẳng - bàn tay phải.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 32% (Ba mươi hai phần trăm). Các vết thương trên cơ thể N.T.T nếu không cấp cứu kịp thời thì có thể tử vong.

Quá trình điều tra, bị cáo N.T.T khai báo thành khẩn, tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền là 15.000.000 đồng. Anh N.T.T yêu cầu N.T.T bồi thường chi phí đã điều trị tại bệnh viện và tiền công lao động là 33.454.000 đồng. Phần tiền tổn thất tinh thần thì anh N.T.T yêu cầu Hội đồng xét xử buộc N.T.T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chị T.T.H là người nuôi anh N.T.T tại bệnh viện yêu cầu N.T.T bồi thường 2.800.000 đồng là tiền công lao động 14 ngày chăm sóc nuôi anh N.T.T trong quá trình điều trị thương tích.

\* Tại Bản cáo trạng số: 20/CT-VKSBT-P1 ngày 03/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố N.T.T về “Tội giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo N.T.T khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản Cáo trạng.

Bị hại trình bày, không có đe dọa ai, chỉ cự cãi với chị L.T.T.T là vợ của N.T.T.

Chị L.T.T.T trình bày, trước ngày 01/10/2020 khoảng 5-6 ngày anh N.T.T có đến nhà đe dọa đòi giết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị tuyên bố bị cáo N.T.T phạm “Tội giết người”. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 57; Điều 15; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.T.T từ 07 đến 09 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo bồi thường cho ông N.T.T mất thu nhập 06 tháng bằng 36.000.000 đồng; tổn thất tinh thần 06 tháng với mức lương 1.490.000 đồng/tháng và bồi thường cho chị T.T.H 2.800.000 đồng. Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy vật chứng đã thu giữ do không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng; tiếp tục tạm giữ xe của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng về tội danh bị cáo thừa nhận, tuy nhiên mục đích của bị cáo không có ý giết bị hại, do bị cáo không lấy hết xăng, nguyên nhân sâu xa không có, bị cáo làm để đe dọa bị hại. Đề nghị xem xét xử bị cáo về “Tội cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như Kiểm sát viên đưa ra, bị cáo còn có hai con còn nhỏ. Về trách nhiệm dân sự: Phần mất thu nhập đến nay chưa được 06 tháng vì đã có yêu cầu trước một phần theo đơn yêu cầu, còn các phần khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo sợ người thân bị tổn hại nên thực hiện hành vi, yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về lo cho các con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định. Do bức tức anh N.T.T đến nhà cự cãi và đe dọa chị L.T.T.T là vợ của N.T.T về việc N.T.T có tình cảm với chị T.T.H là vợ anh N.T.T. Khoảng 01 giờ 30 ngày 02/10/2020, N.T.T quyết định dùng xăng đốt anh N.T.T. N.T.T rút ống xăng trong xe gắn máy vào tô nhựa rồi làm cây rọi để môi lửa, lấy bật lửa và đi đến nhà của anh N.T.T. N.T.T cầm tô đựng xăng tạt vào nhà hướng có anh N.T.T, bật lửa đốt cây rọi ném vào người anh N.T.T rồi bỏ chạy. Anh N.T.T bị cháy được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu. Theo kết luận giám định pháp y thì bị hại N.T.T bị phỏng độ I và II với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 32%.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng, bị cáo không có ý giết người, tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận, bị cáo nhận thức xăng là nguồn nguy hiểm “Việc dùng xăng đốt có thể gây hậu quả chết người” (BL120) phù hợp với kết quả giám định “Các vết thương trên cơ thể N.T.T nếu không cấp cứu kịp thời thì có thể tử vong” và bị cáo có lời khai về ý thức “Tôi nảy sinh ý định đốt xăng ông N.T.T vào đêm ngày 01/10/2020, do trước đó ông N.T.T qua nhà cự cãi với vợ tôi, rồi hăm dọa giết chết vợ con tôi làm vợ con tôi hoảng sợ từ đó tôi muốn giết ông N.T.T” (BL 125) và tại phiên tòa bị cáo cho rằng bị cáo tự nghĩ ra việc đốt xăng anh N.T.T và thực hiện hành vi trước đối với anh N.T.T.

[4] Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự; hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, dùng xăng để đốt bị hại N.T.T. Nếu bị hại N.T.T không được cứu chữa kịp thời thì hậu quả chết người có thể xảy ra, việc ông N.T.T không chết là ngoài ý muốn của bị cáo nên bị cáo bị truy tố về “Tội giết người” được quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tự nghĩ và thực hiện hành vi chỉ vì mâu

thuần nhỏ nhất trong cuộc sống. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã thực hiện phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự mà Cáo trạng đã truy tố là có cơ sở phù hợp luật định. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi nhằm tước đi mạng sống của người khác trái pháp luật, thể hiện tính cách xem thường tính mạng của người khác, gây bất bình trong nhân dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hành vi của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hai con còn nhỏ thuộc các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hậu quả chết người là chưa xảy ra, bị hại chỉ bị tổn thương cơ thể do thương tích là 32% nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có mức độ tương xứng nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại N.T.T đã có yêu cầu bồi thường trước các khoản gồm: chi phí đã điều trị tại bệnh viện và tiền ngày công lao động là 33.454.000 đồng (trong đó có 21.600.000 đồng là mất thu nhập); tổn thất tinh thần yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Nay yêu cầu thêm 06 tháng mất thu nhập (ngoài 21.600.000 đồng) mỗi ngày 200.000 đồng.

Chị T.T.H yêu cầu bồi thường tiền công lao động 14 ngày chăm sóc anh N.T.T là 2.800.000 đồng.

Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị T.T.H 2.800.000 đồng và của anh N.T.T là 33.454.000 đồng, còn phần anh N.T.T yêu cầu thêm mất thu nhập và tổn thất tinh thần bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Xét yêu cầu của chị T.T.H bị cáo đồng ý bồi thường được ghi nhận.

Đối với yêu cầu của anh N.T.T được chấp nhận như sau: tiền thuốc 11.854.000 đồng, mất thu nhập là 06 tháng bằng 36.000.000 đồng tính từ khi bị tổn hại sức khỏe; tổn thất tinh thần theo quy định về tổn hại sức khỏe là 50 tháng lương cơ bản (theo Điều 590 Bộ luật Dân sự) là 74.500.000 đồng. Tổng cộng là 122.354.000 đồng. Bị hại đã nhận bồi thường 95.000.000 đồng, nên bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh N.T.T là 27.354.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ, bị cáo, bị hại không yêu cầu nhận lại và hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe gắn máy màu đen, biển số kiểm soát 71FL-xxxx thuộc sở hữu của bị cáo N.T.T nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên, Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Tuyên bố bị cáo N.T.T phạm “Tội giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **N.T.T** (M) 12 (mười hai) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày 02/10/2020.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc N.T.T phải bồi thường tiếp cho bị hại N.T.T 27.354.000 (Hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi bốn ngàn) đồng;

Buộc N.T.T bồi thường cho chị T.T.H 2.800.000 (Hai triệu tám trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền bồi thường nêu trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy tang vật, đồ vật sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bao gồm: 01 chiếc mền màu đỏ vàng xanh bị cháy loang lổ; 01 chiếc khăn màu xám xanh nâu; 01 khăn màu xanh trắng nâu vàng, khăn bị cháy chưa hoàn toàn; 01 tô nhựa trắng mặt trong có hoa văn màu xanh; 01 mẫu nước tại vị trí có vân nổi thu tại hiện trường được đựng trong chai nhựa; 01 bật lửa màu trắng, trên thân có hình quả táo; 01 bật lửa màu đỏ; 01 bật lửa màu trắng, trên thân có hình thú; 01 cây kiếm bằng kim loại, phần tay cầm được bọc nhựa màu đỏ, trên lớp nhựa có chữ D2NHAPPINESS; 01 đôi dép nhựa màu đen, trên quai dép có chữ ASIA; 01 quần đùi nam màu xanh, hai bên có sọc màu xanh nhạt, quần có dây rút; 01 cây kiếm bằng kim loại, phần tay cầm được bọc nhựa màu đỏ, trên lớp nhựa có chữ MEANFAST; 01 đoạn gỗ dài 20cm, đường kính 1,3cm; 01 nhánh cây, trên nhánh cây có một vết gãy dài 07cm; 01 mảnh vải màu vàng dài 84cm, nơi rộng nhất 5,5cm, một đầu vải bị cháy nham nhở; 01 tấm vải màu vàng kích thước (1,85 x 1,47m), tấm

vải có bị rách nham nhở; 01 sợi dây kim loại màu vàng dài 14,5cm; 01 sợi dây kim loại màu vàng (dạng dây đồng) dài 3,72m; 01 võng bằng vải bị cháy nham nhở; 01 cái tô bằng nhựa;

Tiếp tục tạm giữ 01 xe gắn máy màu đen, biển số kiểm soát 71FL-xxxx, SM: FMB-xxxxxx, SK: 9H-xxxxxx, xe ngưng hoạt động, không xác định được chất lượng bên trong, để đảm bảo thi hành án cho N.T.T, còn dư được trả lại cho N.T.T.

(Đồ vật trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2021 hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đang quản lý)

[4]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo N.T.T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.507.700 (Một triệu năm trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

[6]. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã ĐĐ, huyện Thạnh Phú (1b);
- Bị cáo + người bào chữa (2b);
- Bị hại (1b);
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (2b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (3b);
- Lưu: HS; Tòa Hình sự; KTNV; VP (8b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tỉnh**